

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 27-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2018/TLST-DS ngày 18/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Châu Lê Anh Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 4/9 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lưu Thanh Kh, sinh năm 1973; địa chỉ: 171, khóm Long Th, phường Long Th, thị xã T, tỉnh A; địa chỉ liên hệ: Nhà số 56 đường M, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/12/2018). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Quang H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 4D/12 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lưu Thanh Kh trình bày: Anh Th và anh H có mối quan hệ quen biết. Ngày 28/12/2015 anh Th cho anh H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/4/2016, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Ngày 28/7/2016, anh Th tiếp tục cho anh H

vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, từ ngày 28/7/2016 đến ngày 28/12/2016, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Mỗi lần vay tiền anh Th và anh H có lập thành văn bản. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã vay nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng cộng số tiền 273.000.000 đồng; trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 73.000.000 đồng. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định việc tính lãi suất 1%/tháng cho hợp đồng vay ngày 28/12/2015 được tính từ ngày 01/5/2016 cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính là 36 tháng tương đương số tiền 36.000.000 đồng; việc tính lãi suất 1%/tháng cho hợp đồng vay ngày 28/7/2016 được tính từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính là 28 tháng tương đương số tiền 28.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tính lãi, theo đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi suất theo lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xét xử là 9%/năm cho cả hai hợp đồng vay do chậm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể: Đối với hợp đồng vay ngày 28/12/2015, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2016 đến ngày 27/5/2019 là 36 tháng 26 ngày, tương đương số tiền 27.650.000 (hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với hợp đồng vay ngày 28/7/2016, thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/5/2019 là 28 tháng 26 ngày, tương đương số tiền 21.650.000 (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là 249.300.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 49.300.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 28/12/2015 và giấy mượn tiền ngày 28/7/2016 có chữ ký của anh Vũ Quang H đã được ký đối chiếu bản chính.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Vũ Quang H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/4/2019 và tham gia phiên tòa vào các ngày 02/5/2019 và 27/5/2019 nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Vũ Quang H có địa chỉ thường trú tại phường D, thị xã D, tỉnh B phải trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Quang H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa các ngày 02/5/2019 và 27/5/2019 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật: Các giấy mượn tiền ngày 28/12/2015 và ngày 28/7/2016 đều được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 28/12/2015 có cơ sở xác định anh Th có cho anh H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng tính từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/4/2016 và giấy mượn tiền ngày 28/7/2016 có cơ sở xác định anh Th có cho anh H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng tính từ ngày 28/7/2016 đến ngày 28/12/2016. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng trong các lần cho bị đơn vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận về lãi. Do đó, căn cứ **khoản 1 Điều 478** Bộ luật dân sự năm 2005 xác định hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn khi nguyên đơn yêu cầu. Quá trình tố tụng anh H đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của anh H về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời anh H cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản nợ nên anh Th khởi kiện yêu cầu trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng cho cả hai hợp đồng vay do chậm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể: Đối với hợp đồng vay ngày 28/12/2015, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2016 đến ngày 27/5/2019 là 36 tháng 26 ngày, tương đương số tiền 27.650.000 (hai mươi bảy triệu

sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với hợp đồng vay ngày 28/7/2016, thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/5/2019 là 28 tháng 26 ngày, tương đương số tiền 21.650.000 (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền lãi cho cả hai hợp đồng là 49.300.000 (bốn mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Quang H phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 305 và khoản 1 Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu Lê Anh Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Vũ Quang H.

- Buộc anh Vũ Quang H phải thanh toán cho anh Châu Lê Anh Th tổng số tiền 249.300.000 (hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, tiền lãi là 49.300.000 (bốn mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Quang H phải nộp 12.465.000 (mười hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng. Trả cho anh Châu Lê Anh Th 6.825.000 (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0027844, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX Dĩ An;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân